

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao tài sản cố định cho các đơn vị quản lý, sử dụng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 8380/BTC-QLCS ngày 13/6/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án bố trí, sắp xếp, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định

trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1726/TTr-STC ngày 13/02/2026 (kèm theo đề nghị của UBND xã Triệu Sơn tại Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 26/12/2025 và Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 12/02/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản cố định cho các đơn vị thuộc xã Triệu Sơn quản lý, sử dụng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Lý do giao: Theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại mục 2 Công văn số 8380/BTC-QLCS ngày 13/6/2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, các đơn vị được giao tài sản chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm bố trí, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện các thủ tục hành chính về hồ sơ có liên quan đến tài sản theo quy định; hạch toán tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai bổ sung quyền quản lý, sử dụng tài sản với cơ quan quản lý theo quy định; tổ chức quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công; chi trả các chi phí có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

Đối với tài sản công dôi dư, không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định.

Đối với tài sản chưa xác định được năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản, sau khi được giao tài sản, các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công điện số 06/CD-BTC ngày 25/8/2025 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện tiếp nhận và quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Bí thư Đảng ủy xã Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO XÃ TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của Huyện ủy Triệu Sơn giao cho Đảng ủy xã Triệu Sơn							
A	Cơ sở nhà, đất							
1	Đất Trữ sở	m ²	4.663	1965	51.059.850.000	51.059.850.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
2	Nhà							
2.1	Nhà trụ sở	m ²	2.136	2020	14.842.471.000	9.892.506.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
2.2	Nhà bảo vệ	m ²	15	2020	105.000.000	69.982.500	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
2.3	Nhà để xe	m ²	80	2020	165.000.000	109.972.500	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
2.4	Cổng, tường rào, sân vườn			2020	4.967.250.000	3.973.800.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
B	Xe ô tô							
1	Xe ô tô Toyota Fortuner	Cái	1	2021	1.215.900.000	891.497.880	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
C	Máy móc, thiết bị							
1	Hệ thống âm thanh phòng họp Thường vụ							
1.1	Khởi điều khiển trung tâm	Cái	1	2020	32.220.000	21.475.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
1.2	Micro lãnh đạo	Cái	1	2020	9.567.000	6.376.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
1.3	Micro đại biểu	Cái	22	2020	183.194.000	122.099.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
1.4	Cáp nối dài chuyên dụng	Cái	1	2020	2.987.000	1.991.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
1.5	Loa toàn dải treo trần	Cái	1	2020	8.020.000	5.345.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
1.6	Bộ xử lý phản hồi	Cái	1	2020	4.041.000	2.693.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
1.7	Âm loa kèm trộn	Cái	1	2020	8.718.000	5.811.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn
1.8	Hệ thống dây	m	100	2020	1.800.000	1.200.000	Huyện ủy Triệu Sơn	Đảng ủy xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
1.9	Tủ rack	Cái	1	2020	2.778.000	1.852.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2	Hệ thống âm thanh phòng họp chấp hành							
2.1	Loa hội trường	Cái	4	2020	52.180.000	34.778.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.2	Âm ly	Cái	1	2020	30.568.000	20.374.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.3	Bàn trộn	Cái	1	2020	8.599.000	5.731.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.4	Bộ xử lý tín hiệu	Cái	1	2020	4.096.000	2.730.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.5	Bộ micro không dây	Cái	2	2020	20.492.000	13.658.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.6	Micro bàn	Cái	1	2020	14.192.000	9.459.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.7	Khởi điều khiển trung tâm	Bộ	1	2020	32.220.000	21.475.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.8	Hộp đại biểu	Hộp	3	2020	24.990.000	16.656.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.9	Cáp nối 10m	Cái	1	2020	2.397.000	1.598.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.10	Hệ thống dây	m	200	2020	6.400.000	4.266.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
2.11	Tủ rack	Cái	1	2020	4.865.000	3.243.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
3	Thiết bị phòng họp trực tuyến							
3.1	Polycam group 500 video; Conferencing system + group 500 codec + EagleEyeIV camera + Microphone	Bộ	1		565.235.000	376.729.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4	Máy móc thiết bị khác							
4.1	Bàn làm việc	Cái	2	2020	89.990.000	59.978.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.2	Ghế làm việc	Cái	2	2020	39.298.000	26.192.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.3	Tủ tài liệu	Cái	2	2020	104.378.000	69.568.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.4	Bàn ghế Đồng Kỵ 7 món	Bộ	2	2020	165.590.000	110.366.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.5	Giường	Cái	2	2020	85.096.000	56.716.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
4.6	Tủ quần áo	Cái	2	2020	127.564.000	85.021.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.7	Tranh bản đồ Thanh Hóa	Cái	2	2020	59.978.000	39.975.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.8	Camera	Bộ	1	2022	16.423.000	10.946.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.9	Tivi 55 inch	Cái	1	2021	20.093.000	13.392.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.10	Tivi 55 inch	Cái	1	2021	14.219.000	9.477.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.11	Máy tính bàn	Bộ	6	2020	153.390.000	102.234.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.12	Bàn họp	Cái	6	2020	83.274.000	55.502.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.13	Bàn đại biểu	Cái	1	2020	19.744.000	13.159.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.14	Ghế họp 01 bộ 4 cái	Bộ	25	2020	457.875.000	305.174.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.15	Bục bác hồ	Cái	1	2020	15.045.000	10.027.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.16	Tượng bác hồ	Cái	1	2020	32.990.000	21.988.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.17	Bục phát biểu	Cái	1	2020	13.473.000	8.980.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.18	Đèn led công	Bộ	1	2021	12.627.000	8.416.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.19	Máy tính bàn	Bộ	1	2023	16.290.000	10.857.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.20	Máy phát điện	Cái	1	2010	263.000.000	87.579.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.21	Máy phát điện	Cái	1	2005	25.000.000	0	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.22	Máy điều hoà âm	Cái	2	2009	38.400.000	12.787.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.23	Máy điều hoà cây	Cây	1	2009	24.650.000	0	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
4.24	Máy điều hoà (kèm cục nóng)	Cái	26	2020	371.800.000	247.804.000	Huyện uỷ Triệu Sơn	Đảng uỷ xã Triệu Sơn
II	Tài sản của UBND huyện Triệu Sơn giao cho UBND xã Triệu Sơn							
A	Cơ sở nhà, đất							
1	Đất Trụ sở	m ²	8.454	1965	92.569.110.000	92.569.110.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2	Đất Trung tâm hội nghị	m ²	5.786	1965	63.351.225.000	63.351.225.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3	Nhà							

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
3.1	Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện (Nhà A)	m ²	1.077	2017	26.481.062.000	22.244.093.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.2	Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện (Nhà B)	m ²	659	2024	14.258.147.000	13.972.984.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.3	Nhà ăn Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện	m ²	200	2017	3.400.000.000	1.585.760.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.4	Trụ sở Hội Người mù	m ²	120	2017	864.306.000	633.709.159	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.5	Nhà Trung tâm hội nghị	m ²	650	2017	10.682.987.000	9.828.348.040	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
B	Xe ô tô							
1	Xe ô tô Misubitsi loại 07 chỗ ngồi, biển kiểm soát: 36B-2526	Cái	1		603.000.000		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
C	Máy móc, thiết bị							
1	Máy điều hòa							
1.1	Máy điều hoà không khí	Cái	24	2017	232.080.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.2	Máy điều hoà không khí	Cái	5	2017	48.750.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.3	Máy điều hoà không khí	Cái	13	2019	126.750.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.4	Máy điều hoà không khí	Cái	1	2014	17.800.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.5	Máy điều hoà không khí	Cái	13	2019	125.710.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.6	Máy điều hoà không khí	Cái	16	2014	154.720.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.7	Máy điều hoà không khí	Cái	2	2019	42.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.8	Máy điều hoà không khí	Cái	14	2019	138.320.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.9	Máy điều hoà không khí	Cái	6	2021	58.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
1.10	Máy điều hoà không khí	Cái	1	2020	9.670.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2	Máy vi tính							
2.1	Máy vi tính	Cái	2	2019	24.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
2.2	Máy vi tính	Cái	3	2014	29.250.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.3	Máy vi tính	Cái	1	2010	7.240.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.4	Máy vi tính	Cái	1	2014	9.270.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.5	Máy vi tính	Cái	4	2019	48.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.6	Máy vi tính	Cái	10	2022	149.500.000	59.800.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.7	Máy vi tính	Bộ	7	2014	68.320.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.8	Máy vi tính	Bộ	1	2016	9.820.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.9	Máy vi tính	Bộ	4	2024	60.000.000	48.000.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.10	Máy vi tính	Bộ	6	2014	58.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.11	Máy vi tính	Bộ	2	2019	19.400.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.12	Máy vi tính	Bộ	1	2014	15.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.13	Máy vi tính	Cây	1	2024	10.850.000	8.680.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.14	Máy vi tính	Bộ	1	2024	21.400.000	17.120.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.15	Máy vi tính	Bộ	2	2005	19.740.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.16	Máy vi tính	Bộ	1	2014	8.590.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.17	Máy vi tính	Bộ	2	2006	15.600.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.18	Máy vi tính	Bộ	3	2005	20.340.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.19	Máy vi tính	Bộ	1	2007	7.120.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.20	Máy vi tính	Bộ	1	2009	6.800.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.21	Máy vi tính	Cái	1	2010	7.100.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.22	Máy vi tính	Cái	2	2010	13.680.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.23	Máy vi tính	Cái	1	2010	7.800.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.24	Máy vi tính	Cái	2	2008	12.020.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.25	Máy vi tính	Bộ	2	2012	15.600.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
2.26	Máy vi tính	Bộ	1	2013	7.210.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.27	Máy vi tính	Bộ	1	2007	6.400.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.28	Máy vi tính	Bộ	8	2024	42.600.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2.29	Máy vi tính	Bộ	1	2014	12.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3	Máy in							
3.1	Máy in	Cái	7	2014	21.700.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.2	Máy in	Cái	1	2017	3.870.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.3	Máy in	Cái	1	2010	2.890.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.4	Máy in	Cái	2	2021	5.900.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.5	Máy in	Cái	4	2019	12.400.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.6	Máy in	Cái	1	2016	2.100.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.7	Máy in	Cái	2	2024	16.400.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.8	Máy in	Cái	1	2024	2.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.9	Máy in	Cái	1	2019	3.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.10	Máy in	Cái	1	2017	1.100.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.11	Máy in hai mặt HP 4003DN	Cái	8	2024	15.600.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.12	Máy in hai mặt HP 4003DN	Cái	1	2019	4.350.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3.13	Máy in A4 HP 107a	Cái	1	2024	18.560.000	14.848.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
4	Máy scan							
4.1	Máy scan	Cái	2	2024	20.560.000	16.448.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
4.2	Máy Scan	Cái	1	2016	12.300.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
4.3	Máy Scan	Cái	1	2010	8.210.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
4.4	Máy Scan KV-S1037	Cái	3	2024	40.500.000	32.400.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
4.5	Máy Scan KV-S1037	Cái	1	2019	12.340.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
5	Máy photocopy							
5.1	Máy photocopy	Cái	1	2014	1.390.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
5.2	Máy photocopy	Cái	1	2019	9.780.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
5.3	Máy photocopy	Cái	1	2024	85.000.000	68.000.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6	Bàn ghế tiếp khách							
6.1	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	3	2014	26.250.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.2	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2020	8.690.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.3	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2020	16.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.4	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2016	4.789.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.5	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2020	9.570.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.6	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2014	9.780.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.7	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	2	2019	19.760.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.8	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2020	9.754.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.9	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2011	5.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.10	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2009	7.840.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.11	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2014	9.175.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.12	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2015	8.970.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.13	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2014	8.560.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.14	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2020	9.100.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.15	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2019	9.410.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.16	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2015	8.475.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.17	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2012	9.140.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6.18	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2010	6.740.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
7	Bàn ghế làm việc							

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
7.1	Bàn ghế làm việc	Bộ	5	2020	22.930.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
7.2	Bàn ghế làm việc	Bộ	1	2014	4.586.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
7.3	Bàn ghế làm việc	Bộ	2	2020	6.300.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8	Bàn ghế máy vi tính							
8.1	Bàn ghế máy vi tính	Bộ	7	2020	14.700.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8.2	Bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2020	2.150.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8.3	Bàn ghế máy vi tính	Bộ	2	2020	6.760.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8.4	Bàn ghế máy vi tính	Bộ	2	2014	6.760.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8.5	Bàn ghế máy vi tính	Bộ	10	2019	21.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8.6	Bàn ghế máy vi tính	Bộ	2	2014	4.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8.7	Bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2020	2.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9	Bàn các loại							
9.1	Bàn ghế họp	Bộ	1	2019	65.700.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.2	Bàn tiếp khách	Cái	3	2022	49.410.000	19.764.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.3	Bàn tiếp khách	Bộ	9	2022	49.410.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.4	Bàn tiếp khách	Cái	8	2022	127.767.272	51.106.909	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.5	Bàn kẹp, đôn	Cái	10	2022	154.718.180	61.887.273	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.6	Bàn họp KT (2100x600x750)	Cái	15	2022	65.880.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.7	Bàn họp KT (2000x600x750)	Cái	2	2022	7.186.910	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.8	Bàn họp loại KT (2100x500x750)	Cái	11	2022	167.630.562	67.052.225	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.9	Bàn họp loại KT (1800x500x750)	Cái	2	2022	43.357.824	17.343.130	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.10	Bàn họp	Cái	4	2014	6.880.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.11	Bàn chủ tọa	Cái	20	2019	49.600.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.12	Bàn đơn	Bộ	1	2014	2.100.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
9.13	Bàn ăn	Cái	1	2023	9.700.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.14	Bàn máy vi tính	Cái	2	2020	4.940.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.15	Bàn quây	Cái	6	2020	8.239.998	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.16	Bàn chờ cho công dân	Bộ	1	2014	2.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.17	Bàn chờ cho công dân	Bộ	1	2020	2.100.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.18	Bàn gỗ phòng tiếp dân	Bộ	1	2019	2.540.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9.19	Bàn làm việc	Cái	3	2019	4.350.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10	Ghế							
10.1	Ghế đơn	Cái	20	2022	253.937.460	101.574.982	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10.2	Ghế ngồi	Cái	45	2022	234.572.715	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10.3	Ghế ngồi	Cái	47	2022	103.212.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10.4	Ghế ngồi	Cái	150	2022	606.395.400	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10.5	Ghế	Cái	1	2019	650.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10.6	Ghế ngồi	Cái	20	2019	14.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10.7	Ghế chờ phục vụ cho công dân	Cái	3	2020	6.420.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
10.8	Ghế gỗ phòng tiếp dân	Cái	22	2020	5.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11	Tủ tài liệu							
11.1	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2020	3.380.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.2	Tủ đựng tài liệu	Cái	11	2020	37.180.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.3	Tủ đựng tài liệu	Cái	2	2020	4.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.4	Tủ đựng tài liệu mật	Cái	1	2024	3.354.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.5	Tủ đựng tài liệu mật	Cái	7	2024	23.478.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.6	Tủ đựng tài liệu 2 ngăn	Cái	1	2024	3.380.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.7	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2017	3.380.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
11.8	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2014	3.150.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.9	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2023	3.150.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.10	Tủ đựng tài liệu mật	Cái	2	2024	7.560.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.11	Tủ đựng tài liệu	Cái	4	2018	16.700.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.12	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2019	2.800.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.13	Tủ gỗ đựng tài liệu	Cái	3	1980	381.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11.14	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2017	3.700.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
12	Giá đựng tài liệu							
12.1	Giá đựng tài liệu	Cái	3	2020	6.450.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
12.2	Giá đựng tài liệu	Cái	1	2017	2.150.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
12.3	Giá đựng tài liệu	Cái	3	2018	7.350.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
12.4	Giá đựng tài liệu	Cái	1	2020	2.450.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
12.5	Giá đựng tài liệu	Cái	2	2020	2.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
13	Máy móc thiết bị điện							
13.1	Máy phát điện	Cái	1	2019	257.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
13.2	Tủ điện; Trạm biến áp TBA 320KVA; Tủ điện 400A-500V	Cái	1	2019	357.480.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
13.3	Lưu điện	Cái	1	2019	8.970.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
13.4	Bộ lưu điện khu nhà mới	Bộ	1	2020	950.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
13.5	Lưu điện	Cái	7	2024	6.650.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
13.6	Máy biến áp cũ	Cái	1	2009	9.800.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
14	Tủ lạnh, tủ bảo ôn							
14.1	Tủ lạnh	Cái	1	2016	2.400.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
14.2	Tủ lạnh	Cái	1	2021	12.500.000	2.500.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
14.3	Tủ bảo ôn	Cái	1	2021	14.500.000	2.900.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
14.4	Tủ lạnh	Cái	1	2018	3.440.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15	Thiết bị điện tử							
15.1	Hệ thống camera giám sát cơ quan	Hệ thống	1	2020	218.214.150	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.2	Hệ thống âm thanh	Bộ	1	2018	89.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.3	Hệ thống âm thanh (Loa)	Bộ	1	2022	97.436.520	38.974.608	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.4	Hệ thống trực tuyến	Bộ	1	2018	97.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.5	Máy chiếu	Cái	1	2022	38.173.080	15.269.232	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.6	Hệ thống trực tuyến (02 camera + VCS + 04 màn hình)	Bộ	2	2018	214.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.7	Hệ thống âm thanh (Loa)	Bộ	1	2022	72.138.600	28.855.440	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.8	Máy chiếu	Bộ	1	2022	38.173.080	15.269.232	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.9	Hệ thống âm thanh	Bộ	1	2022	205.150.320	82.060.128	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.10	Tivi	Cái	4	2019	39.120.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.11	Modul phần mềm gọi số tại quầy	PM	8	2024	51.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.12	Kiosk cấp số thứ tự tự động	Bộ	1	2024	58.100.000	46.480.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.13	Bảng Led hình hiển thị tại các quầy	Cái	8	2024	31.600.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.14	Màn hình hiển thị trung tâm 55 inch	Cái	1	2024	16.300.000	13.040.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.15	Bộ giải mã hình ảnh, điều khiển màn hình	Cái	1	2024	7.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.16	Amply hệ thống âm thanh thông báo	Cái	1	2024	11.500.000	9.200.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.17	Loa thông báo	Cái	4	2024	16.400.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.18	Kiosk tra cứu thông tin thủ tục	Bộ	1	2024	60.900.000	48.720.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	hành chính							
15.19	Bộ giá lắp đặt minh hình hiển thị trung tâm	Bộ	1	2024	2.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.20	Bộ phát wifi	Bộ	1	2024	4.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.21	Thiết bị ký điện tử	Cái	8	2024	33.600.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.22	Thiết bị FireWall Fotinet (đã hết hạn License)	Cái	2	2023	269.000.000	161.400.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.23	Modul Quang FN-TRAN-SX	Cái	4	2023	9.832.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.24	Bộ chuyển mạch L3 PLANET	Cái	2	2023	36.000.000	21.600.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.25	Thiết bị quản lý tập trung hệ thống Wifi Grandstream	Cái	2	2023	10.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.26	Bộ chuyển mạch nguồn POE	Cái	8	2023	1.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.27	Access Point Grandstream	Cái	24	2023	120.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.28	TAB đồng	Cái	1	2024	142.900.000	114.320.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.29	Máy chiếu	Cái	1	2014	19.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.30	Chân máy chiếu	Cái	2	2014	1.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.31	Màn máy chiếu	Cái	1	2014	2.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.32	Tivi	Cái	1	2020	9.800.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.33	Hệ thống máy TAMIS	Bộ	1	2015	62.000.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.34	Đầu đọc căn cước công dân có gắn chip	Cái	1	2024	4.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15.35	Máy đo đạc	Cái	1	2024	90.000.000	72.000.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
16	Cây cảnh và cây bóng mát							
16.1	Cây đa (ĐK: 50 cm; H = 7m)	Cây	2	2019	30.220.000		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
16.2	Cây đa (ĐK: 70 cm; H = 7m)	Cây	2	2019	55.199.338		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
16.3	Cây xoài (ĐK: 30-35 cm; H = 7m)	Cây	11	2019	171.570.377		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
16.4	Cây lộc vừng (ĐK: 25-30cm; H = 7m)	Cây	4	2019	81.090.604		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
16.5	Cây đề (ĐK: 30-35 cm; H = 7m)	Cây	4	2019	81.549.088		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
16.6	Cây giáng hương (ĐK: 30-35 cm; H = 7m)	Cây	6	2019	150.589.080		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
16.7	Cây tùng	Cây	5	2019	16.500.000		UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17	Tài sản, thiết bị khác							
17.1	Kết đọng tiền	Cái	1	2014	3.140.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.2	Máy đếm tiền	Cái	1	2020	2.570.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.3	Bục tượng Bác Hồ	Cái	1	2022	10.980.000	4.392.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.4	Tượng Bác Hồ	Cái	1	2022	18.965.455	7.586.182	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.5	Tượng Bác Hồ	Cái	1	2022	21.960.000	8.784.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.6	Bục Bác Hồ	Cái	1	2022	12.974.545	5.189.818	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.7	Bục phát biểu	Cái	1	2022	14.300.000	5.720.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.8	Tủ đựng cốc	Cái	1	2014	1.270.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.9	Ấm nấu nước	Cái	2	2022	500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.10	Bình thủy	Cái	1	2022	1.800.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.11	Máy lọc nước	Cái	1	2015	3.468.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.12	Tủ đựng quần áo	Cái	1	2023	3.750.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.13	Giường	Cái	3	2018	7.410.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.14	Cây nóng lạnh	Cái	1	2020	5.780.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.15	Mặt trống đồng	Cái	1	2022	10.980.000	4.392.000	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.16	Bình nóng lạnh	Cái	1	2015	2.870.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.17	Bình nóng lạnh	Cái	3	2020	7.500.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17.18	Bình nóng lạnh	Cái	2	2020	7.570.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
17.19	Bình nóng lạnh	Cái	1	2017	2.200.000	0	UBND huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
III	Tài sản của Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn giao cho Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn							
A	Cơ sở nhà, đất							
1	Đất Trữ sở Trung tâm Chính trị huyện			1977	17.532.000.000	17.532.000.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
2	Nhà							
2.1	Hội trường, nhà hành chính A	Cái	1	2014	4.541.000.000	1.512.000.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
2.2	Hội trường, nhà hành chính B	Cái	1	2008	981.000.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
2.3	Nhà ăn, nghỉ học viên	Cái	1	2013	1.923.318.000	1.025.320.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
2.4	Nhà bảo vệ	Cái	1	2015	51.832.000	27.631.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
B	Máy móc, thiết bị							
1	Máy tính bàn	Bộ	1	2012	11.000.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
2	Máy tính bàn	Bộ	1	2023	15.000.000	9.000.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
3	Máy tính bàn	Bộ	1	2023	15.000.000	9.000.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
4	Máy tính bàn	Bộ	1	2023	7.500.000	4.500.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
5	Máy tính xách tay phục vụ giảng dạy	Cái	1	2011	12.700.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
6	Máy tính xách tay phục vụ giảng dạy	Cái	1	2017	22.990.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
7	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	2008	11.514.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
8	Máy chiếu BenQ	Cái	1	2015	16.600.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
9	Máy chiếu Panasonic	Cái	1	2015	14.500.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
10	Máy chiếu Viewsonic	Cái	1	2024	15.000.000	15.000.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
11	Âm ly LX500	Cái	2	2024	30.000.000	23.997.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
12	Loa treo tường bass 30; 150W	Bộ	2	2024	38.000.000	30.396.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
13	Cáp điện 3 pha	Bộ	1	2018	21.143.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
14	Lioa sử dụng điện 3 pha	Cái	1	2018	18.753.000	0	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
15	Máy phát điện 25kw	Cái	1	2024	369.112.000	322.973.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
16	Máy điều hòa nhiệt độ 12000 BTU	Cái	2	2010	26.000.000	5.190.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
17	Máy điều hòa nhiệt độ 9000 BTU	Cái	19	2011	199.500.000	53.126.000	Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn	Trung tâm Chính trị xã Triệu Sơn
IV	Tài sản của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn giao cho UBND xã Triệu Sơn							
A	Cơ sở nhà, đất							
1	Đất Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện	m ²	780		8.541.000.000	8.541.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2	Nhà Trung tâm Văn hóa, Thông	m ²	252	2011	1.804.710.000	866.260.800	Trung tâm Văn hóa,	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	tin, Thể thao và Du lịch huyện						Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	
B	Máy móc, thiết bị							
1	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	2023	14.950.000	8.970.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2022	12.134.000	4.853.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
3	Máy in Canon 2900	Bộ	1	2019	5.628.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
4	Máy điều hòa không khí	Cái	1	2016	6.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
5	Máy điều hòa Panasonic	Cái	1	2015	14.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
6	Máy điều hòa không khí	Cái	1	2019	8.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
7	Máy phát sóng FM 500W	Cái	1	2019	247.200.000	61.800.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
8	Đầu đĩa VCD đọc thẻ nhớ VietK-B300	Cái	1	2019	4.800.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
9	Bộ chuyển mạch âm thanh tự động	Bộ	1	2019	2.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Du lịch huyện Triệu Sơn	
10	Thiết bị định giờ điều khiển nguồn máy phát sóng FM 500	TB	1	2019	7.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
11	Thiết bị chuyển mạch số	Cái	1	2019	7.955.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
12	Bộ thu truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (có chức năng điều khiển máy phát sóng FM)	Bộ	1	2023	54.000.000	40.500.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
13	Bộ phát truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Bộ	1	2023	25.000.000	18.750.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
14	Bộ dựng hình phi tuyến phòng thu (kèm màn hình 24 inch)	Bộ	1	2023	165.200.000	123.900.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
15	Tủ chống ẩm đựng máy quay Fujie DHC200	Cái	1	2021	12.727.273	6.363.637	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
16	Loa kiểm tra	Cái	1	2023	7.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
17	Micro cổ ngỗng	Cái	1	2023	8.600.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
18	Headphone (Tai nghe kiểm âm PTV)	Cái	1	2023	4.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
19	Bàn trộn âm thanh - Mixer	Cái	1	2023	12.000.000	9.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
20	CPU sản xuất chương trình phát thanh. truyền hình di động	Cái	1	2023	45.800.000	35.350.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
21	Máy quay phim loại cầm tay chuẩn HD/4K PXW-Z280V	Cái	1	2021	230.909.091	115.454.546	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
22	Thẻ nhớ cho máy quay SBS-64G1C	Cái	1	2021	9.257.142	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
23	Chân cho cho máy ảnh	Cái	1	2021	1.454.546	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
24	Chân cho cho máy quay	Cái	1	2023	10.300.000	7.725	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
25	Đầu đọc thẻ nhớ cho máy quay SBAC-US30	Cái	1	2021	9.045.454	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
26	Đèn LED cho máy quay	Cái	1	2021	5.818.182	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
27	Micro phòng vắn cho máy quay (kèm dây Mic 5m)	Cái	1	2023	9.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
28	Pin dự phòng cho máy quay BP-U70	Cái	1	2021	27.136.365	13.568.183	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
29	Bộ Flay Cam combo kèm bàn điều khiển (không màn hình)	Cái	1	2023	28.000.000	21.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
30	Bàn dài hội trường (gỗ lim)	Cái	1	2012	6.600.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
31	Phòng chính, cờ rúm	Cái	1	2012	3.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
32	Tượng Bác Hồ	Cái	1	2012	350.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
33	Bục phát biểu	Cái	1	2012	1.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
34	Bục tượng Bác	Cái	1	2012	1.500.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
35	Khẩu hiệu “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”	Cái	1	2012	2.700.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
36	Sao, búa liềm	Cái	1	2012	400.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn
37	Máy bơm nước 750W	Cái	1	2019	1.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn	UBND xã Triệu Sơn